TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 472 /2022/DS-ST
Ngày : 27 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Nguyện
2/ Ông Đoàn Văn Rỹ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phan Thanh N sinh năm 1972 – người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C (chồng của bà C);
Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(có mặt)

2.2 Bà Phan Võ Nguyên N sinh năm 2001– người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C (con của bà C);
Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

2.3 Em Phan Bảo C sinh năm 2014 - người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C (con của bà C). Người đại diện theo pháp luật của em Châu: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2.4 Ông Võ Văn C sinh năm 1939; bà Nguyễn Thị T sinh năm 1942 – người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C (cha mẹ ruột của bà C); Cùng địa chỉ: đường X, xã T, huyện P, tỉnh B.

(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Thành T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 22/8/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Ngày 27/05/2021 bà Võ Thị Kiều C có mượn nguyên đơn số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngày 16/06/2021 bà Võ Thị Kiều C có mượn nguyên đơn thêm 100.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mượn là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hai bên có làm giấy mượn tiền; bà Võ Thị Kiều C đã trả tiền lãi theo thỏa thuận 3%/ tháng và trả được 02 tháng tiền lãi là 18.000.000 đồng.

Ngày 04/09/2021 bà Võ Thị Kiều C chết vì Covid-19.

Được biết hiện nay bà Võ Thị Kiều C còn tài sản chung với chồng là ông Phan Thanh N căn nhà đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Kiều C là ông Phan Thanh N cùng bà Phan Võ Nguyên N và em Phan Bảo C liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Ngày 31/5/2022, nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D có đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu những người đồng thừa kế di sản của bà Võ Thị Kiều C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Tại buổi hòa giải ngày 22/8/2022, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận 18.000.000 đồng vào vốn gốc. Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 282.000.000 (hai trăm tám mươi hai triệu) đồng, yêu cầu trả 01 lần khi bản án quyết định có hiện lực, không tính lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022, biên bản hòa giải ngày 22/8/2022, bị đơn ông Phan Thanh N (người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C) trình bày:

Bà Võ Thị Kiều C là vợ của ông, ông và bà C chung sống có đăng ký kết hôn vào khoảng năm 2000 ở Tiền Giang (quê của ông). Bà C chết ngày 04/9/2021 do bị dịch bệnh Covid -19. Gia đình của ông Nguyên hiện nay gồm có ông (Phan Thanh N), con Phan Võ Nguyên N, con Phan Bảo C - hiện tất cả cùng cư ngụ tại địa chỉ đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Ông và bà Võ Thị Kiều C có tài sản chung là căn nhà số đường A, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh. Ông và gia đình đã đi kê khai di sản thừa kế căn nhà trên nhưng còn vướng bận bên Ngân hàng nên chưa kê khai được, bà Võ Thị Kiều C không có tài sản riêng khác.

Đối với việc vay mượn tài sản giữa bà C và bà D thì ông hoàn toàn không biết nên không có ý kiến. Ông không biết gì trong vụ việc này.

Bị đơn bà Phan Võ Nguyên N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cùng với ông Phan Thanh N, tuy nhiên bà Ngọc không đến tòa trình bày nên Tòa án không thu được lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2022, bị đơn ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Ngọc D: Nguyên đơn yêu cầu người đồng thừa kế của bà Võ Thị Kiều C liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng. Ông C, bà Thêu không đồng ý vì ông bà không biết và không có nhận bất cứ tài sản gì từ con của ông bà (là bà C chết để lại).

Vào ngày 05/8/2022, ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T trình bày là ông bà đã lớn tuổi, đường xa nên có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành T trình bày:

Ông là chồng của nguyên đơn bà D, về việc vợ ông bà D cho bà C vay số tiền 300.000.000 đồng, ông biết việc vay mượn trên. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ ông là bà D.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

+ Bị đơn ông Phan Thanh N trình bày: Ông không biết việc vay mượn giữa vợ ông là bà C với bà D. Ông cho rằng chữ ký trên giấy vay không giống vợ ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn

chưa chấp hành đúng quy định pháp luật từ Điều 70, Điều 71 đến Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D yêu cầu những người đồng thừa kế di sản của bà Võ Thị Kiều C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất. hai bên có lập giấy mượn tiền vào ngày 27/5/2021, phía bị đơn trả lãi suất được 02 tháng với số tiền 18.000.000 đồng. Nhận thấy hợp đồng vay tiền phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 401, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện ngày 31/5/2022 của Bà Lê Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại". Do bị đơn – những người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C gồm các ông (bà): Ông Phan Thanh N, bà Phan Võ Nguyên N, em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em Clà ông Phan Thanh N cư trú tại Quận 8, theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, các bị đơn ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án; bị đơn bà Phan Võ Nguyên N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc D yêu cầu những người đồng thừa kế di sản của bà Võ Thị Kiều C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hợp đồng vay, lãi suất : Bà Lê Thị Ngọc D cho bà Võ Thị Kiều C vay mượn 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay ghi tiêu đề là Giấy mượn tiền vào ngày 27/5/2021; lần đầu số tiền vay là 200.000.000 đồng; lãi suất vay: không ghi; thời hạn vay: không ghi. Riêng số tiền mượn thêm ở lần sau là 100.000.000 đồng thì bà Võ Thị Kiều C viết xác nhận vay mượn thêm của bà D và ký tên vào mặt phía sau của Giấy mượn tiền nêu trên vào ngày 16/6/2021, số tiền này bà C còn yêu cầu bà D giúp chuyển khoản cho người quen của bà C với nội dung giao dịch có xác nhận của phía Ngân hàng là "Chị Chinh mượn thêm 100 triệu". Xét, các

bên tham gia ký kết Giấy mượn tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung của Hợp đồng vay phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 401, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, đủ cơ sở xác định việc vay mượn giữa các đương sự là có thật phù hợp với các tình tiết khách quan, nên Hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay mượn, bà Võ Thị Kiều C đã thực thiện theo thỏa thuận là trả cho bà D lãi suất được 2 lần với số tiền là 18.000.000 đồng. Sau đó, do bà C bị dịch bệnh Covid-19 chết vào ngày 04/9/2021 nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng vay trên.

Bà D đến gặp gia đình bà C chia buồn và trình bày việc vay mượn trên. Tuy nhiên, ông Nguyên (chồng bà C) cho rằng không biết việc vay mượn giữa các bên nên không đồng ý trả cho bà D số tiền nêu trên nên bà D khởi kiện đến Tòa án: Nguyên đơn bà D yêu cầu những người đồng thừa kế di sản của bà Võ Thị Kiều C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi suất đã nhận là 18.000.000 đồng vào vốn gốc. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Thanh N cho rằng không biết việc vay mượn giữa vợ ông là bà C với bà D và chữ ký trên giấy vay không giống vợ ông nhưng đây là ý kiến đơn phương của ông mà ông không cung cấp, không đưa ra được chứng cứ gì khác để chứng minh. Do vậy, căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về chứng cứ vụ án: Xét, lời khai của ông Nguyên là lời khai đơn phương một phía mà không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn bà D là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Xác định bà Võ Thị Kiều C có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền vay 282.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Theo kết quả trả lời ngày 04/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Quận 8:

"Nhà đất tại địa chỉ số 219/3B Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5376/2000 hiện do ông (bà) Phan Thanh N (sinh năm 1974) và Võ Thị Kiều C (sinh năm 1977) đứng tên chủ sở hữu, sử dụng.

Nhà đất trên đang bị thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á Châu, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 8 đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2017".

Theo Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như sau*:"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Xét, bà Võ Thị Kiều C khi chết có để lại di sản thừa kế mà các đồng thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) theo luật được hưởng là nhà đất số 219/3B Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cùng đồng sở hữu với ông Phan Thanh N, căn cứ các Điều 612, Điều 613, Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định có cơ sở để buộc những người đồng thừa kế của bà C thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Buộc những người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C gồm các ông (bà): Ông Phan Thanh N, bà Phan Võ Nguyên N, em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em Clà ông Phan Thanh N, ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền bà C có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D là 282.000.000 (hai trăm tám mươi hai triệu) đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 612, Điều 613, Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Ngọc D.

1. Xác định bà Võ Thị Kiều C có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 282.000.000 (hai trăm tám mươi hai triệu) đồng. Buộc những người thừa kế của bà Võ Thị Kiều C gồm các ông (bà): Ông Phan Thanh N, bà Phan Võ Nguyên N, em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em C là ông Phan Thanh N, ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà D là 282.000.000 (hai trăm tám mươi hai triệu) đồng.

Cụ thể như sau:

+ Ông Phan Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Bà Phan Võ Nguyên N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em Clà ông Phan Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Ông Võ Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền là 56.400.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng;

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà Lê Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm là 14.100.000 (mười bốn triệu một trăm nghìn) đồng, bị đơn các ông (bà) gồm: ông Phan Thanh N, bà Phan Võ Nguyên N, em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em Clà ông Phan Thanh N, ông Võ Văn C, bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu. Cụ thể là:

+ Ông Phan Thanh N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.820.000 (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Bà Phan Võ Nguyên N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.820.000 (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Em Phan Bảo C-người đại diện theo pháp luật của em C là ông Phan Thanh N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.820.000 (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Ông Võ Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.820.000 (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.820.000 (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

2.2 Hoàn trả lại cho Bà Lê Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016195 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hiệp